TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2017/DSPT
Ngày: 20/12/2017
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng
Các thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn
Bà Trần Thị Liên Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quản Việt Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng – Kiểm sát viên.

NGy 20/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2016/DSPT nGy 29/4/2016 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2016/DSST nGy 26/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2017/QĐ-PT nGy 04/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà **Đặng Thị G**, sinh năm 1933
Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

2. Bà **Đặng Thị NG**, sinh năm 1955
Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, bà Ng là anh Đặng Kim G, theo văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017. (Có mặt)

3. Ông **Đặng Văn Ch**, sinh năm 1949
Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

Người đại diện tíchheo ủy quyền của ông Ch là ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1942, Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội, theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2014. (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Đặng Thành Tr,** sinh năm 1942

Nơi cư trú: Phố PT, phường PT, thành phố NB, tỉnh NB. Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Thành Tr là: Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2015. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đặng Thị Ph**, sinh năm 1949. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

2. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ là: Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1967 và anh Lê Văn H, sinh năm 1963.Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội. Theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2015. (Có mặt)

3. Anh **Đặng Kim G**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

4. Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

5. Chị **Đặng Thị Th**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Nơi cư trú: Xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

6. **Ủy ban nhân dân huyện P**, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông Hoàng Mạnh P- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.(Vắng mặt)

7. **Văn phòng Công chứng huyện P**. Người đại diện ông Nguyễn Quang V- Trưởng văn phòng. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Đặng Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Đặng Thị G, bà Đặng Thị NG, ông Đặng Văn Ch và ông Đặng Văn Đ người được ông Ch uỷ quyền trình bày:

Cụ Đặng Văn H và cụ Nguyễn Thị T sinh được 04 người con chung là : Bà Đặng Thị G, ông Đặng Thành Tr, ông Đặng Văn Ch, bà Đặng Thị NG.

Khi cụ H, cụ T còn sống hai cụ có khối tài sản chung gồm: Một ngôi nhà cấp 4, bốn gian, mái lợp ngói, tường gạch và sân gạch, tường bao nằm trên diện tích đất 211m^2 (đo thực tế hiện tại), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 238 m^2, số thửa 42, tờ bản đồ số 07 tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội, một tủ chè, hoành phi câu đối, toàn bộ tài sản này là của bố, mẹ cụ H chết đi để lại cho cụ H và cụ T.

Năm 1957 cụ H chết không để lại di chúc, cụ H để lại toàn bộ tài sản trên cho cụ T và các con sử dụng. Trong quá trình sử dụng do ngôi nhà xây dựng từ lâu nên đã bị đổ một gian buồng, nay còn lại 03 gian nhà.

Năm 1962 ông Đặng Thành Tr lấy bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ về ở chung với gia đình cụ T. Năm 1968 ông Tr đi bộ đội. Năm 1971 ông Ch lấy bà Đặng Thị Ph. Năm 1976 vợ chồng ông Ch làm nhà ra thửa đất số: 302, tờ bản đồ số 04, diện tích 206m^2 tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội, vợ chồng ông Ch ở trên diện tích đất này. Đây là diện tích đất cụ T mua sau khi cụ H chết. Cụ T về ăn cơm cùng vợ chồng ông Ch, sau đó lại sang bên nhà đất cũ ở (hai nhà đối diện nhau qua ngõ đi chung của xóm).

Năm 2001 cụ T chết không để lại di chúc.

Năm 2005 ông Đặng Thành Tr có chuyển nhượng diện tích đất hiện đang tranh chấp cho con gái là Đặng Thị Th. Ông Đặng Văn Ch có đơn gửi UBND xã L, huyện P dừng việc chuyển nhượng đất ở giữa ông Tr và chị Th, vì đất này là của cụ H, cụ T chết để lại cho các con, hai cụ chưa chia cho ai. UBND xã đã đề nghị dừng việc chuyển nhượng đất giữa ông Tr với chị Th.

Ngày 01/6/2009 ông Đặng Văn Ch, bà Đặng Thị G, bà Đặng Thị NG có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội yêu cầu chia thừa kế tài sản. Đến ngày 29/9/2010 Toà án nhân dân huyện P đã đưa vụ án ra xét xử và đã Quyết định: Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Văn Ch, bà Đặng Thị G, bà Đặng Thị NG đòi chia thừa kế tài sản

là diện tích đất ở: 238m^2 tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội. Không nhất trí với bản án của Toà án nhân dân huyện P, ông Ch, bà G và bà Ng có đơn kháng cáo. NGy 30/12/2010 Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Ch, bà Ng, bà G đòi chia thừa kế. Không đồng ý với bản án Phúc Thẩm số: 257/2010/ DS - PT ngày 30/10/2010 của Toà án thành phố Hà Nội. Ngày 24/5/2012 ông Đặng Văn Ch có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định giám đốc thẩm số: 612/DS-GĐT nGy 25/12/2013 của Toà án nhân dân Tối cao đã huỷ bản án dân sự phúc thẩm số: 257/2010/DS - PT nGy 30/12/2010 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội và bản án sơ thẩm số: 06/ 2010/ DS – ST, ngày 29/9/2010 của Toà án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình Toà án nhân dân các cấp chưa giải quyết xong vụ án thì đến ngày 11/12/2013, Văn phòng Công chứng huyện P đã chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Đặng Thành Tr cho Đặng Thị Th và sau đó đến ngày18 /12/2013, Văn phòng đặng ký quyền sử dụng Đất huyện P đã thay đổi từ ông Đặng Thành Tr sang cho Đặng Thị Th.

Nay ông Đặng Văn Đ được ông Ch uỷ quyền yêu cầu Toà án nhân dân huyện P huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00470 cấp ngày 12/12/2006 cho hộ ông Đặng Thành Tr, huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/12/2013 từ ông Đặng Thành Tr cho Đặng Thị Th và huỷ việc thay đổi từ ông Đặng Thành Tr sang cho Đặng Thị Th vào ngày 18/12/2013. Ông Đ đề nghị Toà án chia di sản là: Một tủ chè, một ngôi nhà cấp 4, ba gian, mái lợp ngói, tường xây gạch nằm trên diện tích đất : 211m^2, số thửa 42, tờ bản đồ số 07 tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội cho những người thừa kế gồm: Ông Tr, ông Ch, bà G, bà Ng, ông yêu cầu chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Riêng đoạn tường bao bị đổ ông Ch xây lại, nay Ông Đ người được ông Ch uỷ quyền không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Đặng Thị NG trình bày như Ông Đ trình bày, phần của bà được hưởng thừa kế bà cho ông Đặng Văn Ch.

Bà Đặng Thị G có lời khai: Bà G yêu cầu chia bằng hiện vật, phần của bà được hưởng thừa kế bà cho ông Đặng Văn Ch.

Chị Đặng Thị Th là người được ông Đặng Thành Tr (bố đẻ chị) là bị đơn uỷ quyền đồng thời chị và chồng là anh Lê Văn H cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông nội chị là cụ Đặng Văn H chết rất lâu khi chị chưa sinh ra. Bà nội chị là Nguyễn Thị Tchết năm 2001. Ông, bà nội chị có hai ngôi nhà nằm trên hai thửa đất. Khi cụ T còn sống cụ T có chia cho bố đẻ chị là ông Tr ngôi nhà ngói cổ, một tủ chè bằng gỗ, sân gạch nằm trên diện tích đất là: 211m^2, thửa đất số: 42, tờ bản đồ số: 07, tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội, ông Nguyễn Thành Tr (bố đẻ chị) đã đứng tên trong sổ mục kê của xã L, huyện P, thành phố Hà Nội từ lâu, đến năm 2006 thì bố chị được UBND huyện Pcấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày11/12/2013 Văn phòng Công chứng huyện P đã chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Đặng Thành Tr cho chị Đặng Thị Th nhưng thực chất vợ chồng anh chị trả cho ông Tr 50.000.000 đồng và sau đó đến ngày18 /12/2013 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P đã thay đổi từ ông Đặng Thành Tr sang cho chị Đặng Thị Th. Trong khi đó ông Đặng Văn Ch cũng được cụ T cho nhà đất đối diện bên kia đường.

Nay ông Ch, bà G, bà Ng kiện yêu cầu chia tài sản của cụ Nguyễn Thị T chị không đồng ý vì khi cụ T còn sống cụ T đã cho ông Nguyễn Thành Tr và ông Tr đã tặng cho chị Th .

Chị Đặng Thị Th thừa nhận bố đẻ chị là ông Đặng Thành Tr lấy mẹ chị là bà Nguyễn Thị Đ, sau khi ông Tr lấy bà Đ thì bà Đ về ở chung với cụ T và ở trên diện tích đất đang tranh

chấp, đến năm 1968 bố chị đi bộ đội, sau đó bố chị đã sống chung với bà Í , tại thành phố N B, tỉnh NB, thỉnh thoảng có công có việc gì trong gia đình thì bố chị có về quê ở xã L một đến hai ngày sau lại đi luôn, chứ bố chị không ở hẳn tại quê xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi liên quan:

Anh Đặng Kim G trình bày: Anh G nhất trí với lời trình bày của ông Đ, anh G không trình bày thêm gì.

Ông Đặng Văn N trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Pđược Chủ tịch UBND huyện P uỷ quyền có lời khai: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Thành Tr là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Uỷ ban nhân dân huyện đã có công văn số: 1097/ ngày14/11/2014 trả lời về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Ông Tr, nay ông không có bổ sung thêm gì. Tuy nhiên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho hộ ông Tr là không chính xác mà phải ghi cấp cho cá nhân Ông Tr.

Ông Nguyễn Quang Vcó lời khai: Ngày 11 tháng 12 năm 2013 Văn phòng Công chứng huyện P đã công chứng tặng cho quyền sử dụng đất từ ông hộ Đặng Thành Tr sang cho chị Đặng Thị Th (con gái Ông Tr) là đúng trình tự tủ thục theo quy định của pháp luật. Khi công chứng Ông Tr, chị Th không nói cho Văn phòng công chứng P biết tài sản tặng cho hiện đang có tranh chấp, Văn phòng công chứng P không biết tài sản tặng cho từ ông T rcho chị Th đang có tranh chấp nên đã công chứng.

Nguyên đơn, bị đơn, người được uỷ quyền, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận khi cụ T còn sống, cụ T không vay mượn của ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản gì. Về mai táng phí cho cụ T đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì khi cụ T chết các con cụ T đều có trách nhiệm lo mai táng cho cụ.

Tại Bản án số 03/2016/DSST ngày 26/02/2016 Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00562QSDĐ/2002/QĐ.H ngày 24/9/2002 của Uỷ ban nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội cấp cho hộ ông Đặng Thành Tr.

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 01/4/2007 giữa ông Đặng Thành Tr với chị Đặng Thị Th, anh Lê Văn H vô hiệu.

3. Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 12 năm 2013 giữa ông Đặng Thành Tr và chị Đặng Thị Th vô hiệu.

4. Huỷ việc thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013 từ ông Đặng Thành Tr sang bà Đặng Thị Th.

5. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Tgồm: Diện tích đất 105m^2 trị giá = 63.000.000đ, một ngôi nhà 3 gian trị giá= 508.270đ, sân gạch diện tích 61,50m^2 trị giá= 67.363đ, tường bao trị giá = 43.688đ, một tủ chè cũ trị giá = 30.000đ, tổng cộng = 63.649.321đ, (Sáu mươi ba triệu, sáu trăm bốn chín nghìn, ba trăm hai mươi mốt đồng)

6. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Tgồm: Bà Đặng Thị G, ông Đặng Thành Tr, ông Đặng Văn Ch, bà Đặng Thị NG, mỗi kỷ phần được hưởng là: 15.912.330đ.

7. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị G, bà Đặng Thị NG cho ông Đặng Văn Ch kỷ phần thừa kế bà G, bà Ng được hưởng. Ông Đặng Văn Ch được hưởng phần di sản có trị giá là: 47.736.990đ.

8. Giao cho ông Đặng Văn Ch bằng hiện vật gồm: Diện tích đất là: 65 m^2 có các chiều: Chiều giáp đất nhà ông Nguyễn Duy B là 7.02m và giáp đường đi ngõ xóm là: 7,27m. Chiều giáp đất ông Đặng Văn A là: 9,06m, chiều giáp phần đất chia cho ông Tr là: 9,23m, trị giá = 39.000.000đ, số thửa 42, tờ bản đồ số 07, tại cụm 5, xã L, huyện P, thành

phố Hà Nội và tài sản trên đất: Tường bao trị giá = 15.940đ; một tủ chè trị giá = 30.000đ, một ngôi nhà 03 gian đã cũ nát trị giá = 508.270đ, sân gạch trị giá = 23.550đ, tổng cộng = 39.577.760đ.(*Ba chín triệu năm trăm bảy bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*). Có sơ đồ phân chia đất kèm theo.

9. Giao cho ông Đặng Thành Tr bằng hiện vật gồm: Diện tích đất là 40m^2 trị giá = 24.000.000đ, có các chiều: Chiều giáp đường đi ngõ xóm là: 4.30m. Chiều giáp đất ông Đặng Văn A là: 4.30m, chiều giáp phần đất chia cho ông Ch là: 9,23m, chiều giáp phần đất của cụ H là: 9.51m và tài sản trên đất gồm: Tường bao trị giá= 27.750đ, sân gạch trị giá = 43.813đ, tổng cộng = 24.070.563đ

(*Hai bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm sáu ba đồng*). Có sơ đồ phân chia đất kèm theo.

10. Ông Đặng Thành Tr phải thanh toán tiền chênh lệch phần di sản cho ông Đặng Văn Ch là: 8.158.724đ, (*Tám triệu một trăm năm mươi tám ngìn bảy trăm hai bốn đồng*)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện tíchheo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nộp tại Tòa án huyện Phúc Thọ, Hà Nội ngày 10/3/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ khác, không thỏa thuận để giải quyết vụ án. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm. Về nội dung: cụ Đặng thị H và cụ Nguyễn Thị Tsinh được 04 người con. Năm 1957 cụ H chết, năm 2001 cụ T chết, cả hai cụ đều không để lại di chúc. Thời điểm hiện nay đang thực hiện BLTTDS năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016, BLDS năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS: Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Cụ H chết năm 1957, căn cứ khoản 1 Điều 3 và khoản 4 Điều 36 pháp lệnh thừa kế ban hành ngày 30/8/1990 thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ H từ 30/8/1990 đến nay là 27 năm. Như vậy vẫn còn thời hiệu. Đây là quy định mới của pháp luật: Cần hủy án sơ thẩm để giải quyết cả phần di sản của cụ H để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung tranh chấp: Các đương sự đều thừa nhận tài sản đang tranh chấp có nguồn gốc là của bố, mẹ cụ Đặng Văn H chết để lại cho cụ Đặng Văn H và cụ Nguyễn Thị T. Năm 1957 cụ Đặng Văn H chết, không để lại di chúc. Cụ Nguyễn Thị Tvà các con sử dụng toàn bộ tài sản tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

Năm 2001 cụ Nguyễn Thị T chết không để lại di chúc. Cụ H, cụ T để lại di sản gồm: Một tủ chè bằng gỗ, một hoành phi và hai câu đối, một ngôi nhà ngói cổ 04 gian (đã bị sập đổ 1 gian, còn lại 03 gian), sân gạch, tường bao nằm trên diện tích 238m^2 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo thực tế hiện trạng còn lại 211m^2) tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

Năm 1960, cụ T mua năm thước đất của cụ Kh và năm 1976 cụ T mua thêm 03 thước đất liền kề với đất mua của cụ Kh, sau đó cụ T, ông Ch xây nhà và vợ chồng ông Ch ở trên diện tích này. Cụ T về ăn cơm cùng vợ chồng ông Ch, sau đó lại sang bên nhà đất cũ ở, diện tích này do gia đình ông Ch đang sử dụng.

Trên hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, ông Đặng Thành Tr và ông Ch mỗi người sử dụng một thửa đất do bố mẹ để lại. Tại bản đồ và sổ mục kê năm 1990 ông Tr sử dụng thửa 291 tờ bản đồ 3A diện tích 210 m2, ông Ch sử dụng thửa 278 tờ bản đồ 3A diện tích 201m2. Ngày 12/12/2006 UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Thành Tr với diện tích 238 m^2 đất ở tại cụm 5, xã L, huyện P, tỉnh H T (nay là Hà Nội).

Năm 2007, ông Trchuyển nhượng nhà đất trên cho vợ chồng chị Th con Ông Tr.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Cụ Đặng Văn H chết năm 1957. Đến năm 2009 các nguyên đơn khởi kiện, phần di sản của cụ H để lại đã hết thời hiệu khởi kiện. Cụ T chết năm 2001 đến năm 2009 thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ T vẫn còn. Có đủ cơ sở để xác định di sản của cụ H và cụ T trước khi chết để lại gồm: Một tủ chè bằng gỗ, một ngôi nhà 3 gian, sân gạch nằm trên diện tích 211m^2 đất ở (đo thực tế) tại cụm 5, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội.

Phần di sản của cụ T để lại gồm: Diện tích đất 105m^2 trị giá = 63.000.000đ, một ngôi nhà 3 gian trị giá= 508.270đ, sân gạch diện tích 61,50m^2 x 109.534đ/1m^2 x 1% = 67.363đ, tường bao cao 2,2m x 6.77m x 293,336đ/1m^2 x 1% = 43.688đ, một tủ chè cũ trị giá = 30.000đ, tổng cộng = 63.649.321đ.

Phần di sản của cụ T chia cho 04 người con là: Bà Đặng Thị G, ông Đặng Thành Tr, ông Đặng Văn Ch, bà Đặng Thị NG, mỗi kỷ phần được = 15.912.330đ.

Phần di sản của cụ H gồm: Diện tích đất: 106 m^2 trên đất có tường bao, sân gạch đã hết thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại thời điểm xét xử phúc thẩm Bộ luật dân sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 1 Điều 623 quy định: "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản…", tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 quy định "Thời hiệu được áp dụng theo quy định của bộ luật này". Đây là quy định mới của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự trong vụ án tranh chấp thừa kế để giải quyết triệt để toàn diện vụ án.

Cụ Đặng Văn H chết năm 1957, căn cứ vào khoản 1 Điều 3 và khoản 4 Điều 36 pháp lênh thừa kế ban hành ngày 30-8-1990 thì thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ H được tính từ ngày 30-8-1990.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật nêu trên thì thời hiệu khởi kiện về thừa kế đối với di sản của cụ H vẫn còn.

Vì những căn cứ trên, *Hủy bản án sơ thẩm* để giải quyết cả phần di sản của cụ Đặng Văn H để lại đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự theo quy định của pháp luật, đây là tình tiết mới xuất hiện tại cấp phúc thẩm.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/20146/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Hủy bản án sơ thẩm số 03/2016/DSST ngày 24/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa nguyên đơn bà Đặng Thị G, bà Đặng Thị NG, ông Đặng Văn Ch và bị đơn ông Đặng Thành Tr; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Trả lại chị Đặng Thị Th 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006476 ngày 17/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Phúc Thọ, Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu VP+HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

MAI TIẾN DŨNG